

YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN Ý ĐỊNH KHỞI NGHIỆP CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

*FACTOR AFFECTING STUDENT'S ENTREPRENEURIAL INTENTION
AT HO CHI MINH CITY UNIVERSITY OF EDUCATION*

LƯƠNG ANH THU^(*), NHÓM TÁC GIẢ^(**)

^(*)^(**)Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, 4701609084@student.hcmue.edu.vn

^(**)GIẢNG THỊ NGỌC DUYÊN, TRẦN TOÀN ANH, NGUYỄN TRẦN ĐIỂM THI, PHẠM THUY THANH TRÚC, DƯ THỐNG NHẤT

THÔNG TIN	TÓM TẮT
<p>Ngày nhận: 20/5/2023 Ngày nhận lại: 27/5/2023 Duyệt đăng: 26/6/2023 Mã số: TCKH-S02T6-B11-2023 ISSN: 2354 – 0788</p> <p>Từ khóa: Ý định khởi nghiệp, sinh viên, yếu tố ảnh hưởng tới ý định khởi nghiệp.</p> <p>Key words: Entrepreneurial intent, students, factors affecting startup intentions.</p>	<p>Hiện nay, việc thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp cho sinh viên là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của các trường đại học. Nghiên cứu thực hiện khảo sát thực trạng trên cỡ mẫu 378 sinh viên của Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả nghiên cứu cho thấy các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên bao gồm: thái độ khởi nghiệp; phương pháp giảng dạy. Trong đó, thái độ khởi nghiệp có ảnh hưởng lớn nhất.</p> <p>ABSTRACT</p> <p>Currently, promoting entrepreneurship for students is one of the central tasks of universities. The study conducted a survey on a sample size of 378 students of Ho Chi Minh City University of Education. Research results show that factors influencing students' entrepreneurial intentions include: entrepreneurial attitude; teaching methods. In particular, entrepreneurial attitude has the greatest influence.</p>

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Những năm gần đây, các nhà nghiên cứu trên thế giới rất quan tâm đến lĩnh vực khởi nghiệp, nhiều quốc gia chú trọng tinh thần khởi nghiệp, đó là cách thức thúc đẩy kinh tế, tạo việc làm [17]. Tại Việt Nam, vấn đề khởi nghiệp cũng ngày càng được chú trọng và đề cao. Theo Tổng cục thống kê, tính đến ngày 30/11/2022, tỷ lệ thất nghiệp của thanh niên trong năm 2022 là

7,72% giảm 0,83 điểm phần trăm so với năm trước [26]. Nhiều chính sách khuyến khích khởi nghiệp được Chính phủ ban hành. Đề án phát huy tinh thần khởi nghiệp trong sinh viên được chú trọng đặc biệt, điển hình là đề án hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp đến năm 2025 do Thủ Tướng Chính phủ ban hành ngày 30/10/2017 [27]. Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng ban hành Thông tư 07/2022/TT-BGDĐT quy

định công tác tư vấn nghề nghiệp, việc làm và hỗ trợ khởi nghiệp trong các cơ sở giáo dục [6]. Như vậy, khởi nghiệp đối với sinh viên là rất quan trọng, việc khơi dậy tinh thần khởi nghiệp trong sinh viên là việc làm cần thiết.

Nhận thức được tầm quan trọng ấy, rất nhiều nghiên cứu liên quan đến yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên thuộc lĩnh vực kinh tế cũng như lĩnh vực kỹ thuật được thực hiện [2], [10], [19], [22], [23]. Khởi nghiệp trong giáo dục nhận được rất nhiều sự quan tâm, tuy nhiên đề tài nghiên cứu về ý định khởi nghiệp trong lĩnh vực giáo dục vẫn còn hạn chế, cụ thể là khi tra cứu trên công cụ tìm kiếm tài liệu, văn bản học thuật (Google Scholar) với cụm từ “Khởi nghiệp trong giáo dục” kết quả chỉ cho ra 2 bài viết liên quan: 1) Tác động của đào tạo khởi nghiệp đến ý định khởi nghiệp [16]; (2) Các nhân tố ảnh hưởng đến thực hiện sứ mệnh thứ ba và thách thức đối với các trường đại học Việt Nam trong giai đoạn chuyển đổi [8]. Các cụm từ “Ý định khởi nghiệp trong giáo dục”, “Ý định khởi nghiệp trong sư phạm”, “Khởi nghiệp trong sư phạm” đều không cho ra kết quả tìm kiếm. Do đó, nghiên cứu này được thực hiện nhằm xác định yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh với mục tiêu cụ thể như sau: (1) xây dựng mô hình yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp; (2) xác định yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên dựa trên phân tích mô hình phương trình cấu trúc (SEM).

2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

2.1. Cơ sở lý luận

Theo Gupta & Bhawe (2007) ý định khởi nghiệp là quá trình định hướng việc lập kế hoạch và triển khai thực hiện một kế hoạch tạo lập doanh nghiệp [11]. Còn theo Bird (1988) ý định khởi nghiệp là một trạng thái của tâm lý, nhấn mạnh sự quan tâm của cá nhân và kinh nghiệm để thực hiện việc tạo ra doanh nghiệp mới [5]. Trong nghiên cứu này, ý định khởi nghiệp được

hiểu là việc thực hiện hành vi khởi xướng công việc cá nhân mong muốn, dự định thực hiện tạo cơ hội việc làm.

Theo thuyết hành vi dự định của Ajzen (1991), ý định khởi nghiệp chịu ảnh hưởng bởi ba nhân tố như thái độ đối với hành vi, tiêu chuẩn chủ quan và nhận thức về kiểm soát hành vi [1]. Zhang, Duysters & Cloodt (2014) xác định ba yếu tố ảnh hưởng tích cực đến ý định khởi nghiệp của sinh viên thuộc khối ngành công nghệ là: 1) Nhận thức mong muốn; 2) Kinh nghiệm và 3) Giáo dục khởi nghiệp. Phan Anh Tú & Trần Quốc Huy (2017) thì cho là 7 yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên Trường Đại học Kỹ thuật Công nghệ gồm: 1) Đặc điểm tính cách; 2) Thái độ cá nhân; 3) Nhận thức và thái độ; 4) Giáo dục khởi nghiệp; 5) Nhận thức điều khiển hành vi; 6) Quy chuẩn và thái độ; 7) Quy chuẩn chủ quan [29].

Dựa trên mô hình lý thuyết hành vi có kế hoạch (TPB) của Ajzen (1991) và mô hình yếu tố ảnh hưởng ý định kinh doanh của Phan Anh Tú & Trần Quốc Huy (2017), nghiên cứu này đề xuất mô hình 7 yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh gồm: 1) Nhận thức khởi nghiệp, 2) Thái độ khởi nghiệp, 3) Động lực khởi nghiệp, (4) chương trình giảng dạy, 5) phương pháp giảng dạy, 6) Đặc điểm tính cách, 7) Năng lực khởi nghiệp để tiến hành khảo sát thực trạng [1].

2.2. Giả thuyết về các yếu tố ảnh hưởng

Nhận thức khởi nghiệp (H1): Nhận thức khởi nghiệp là cách cá nhân nhìn nhận thực tế, qua phân tích diễn giải, quan niệm sự dễ dàng, khó khăn trong thực hiện khởi nghiệp [1]. Phan Anh Tú & Trần Quốc Huy (2017) cho rằng yếu tố nhận thức có ảnh hưởng tích cực đến việc thúc đẩy cả về ý định lẫn hành vi khởi nghiệp [22].

Thái độ khởi nghiệp (H2): Thái độ khởi nghiệp là việc mà một cá nhân cảm thấy như thế nào khi thực hiện hành vi khởi nghiệp, được thể hiện qua mặt cảm xúc, cử chỉ hay lời nói, đây

cũng là mức độ đánh giá việc khởi nghiệp được thực hiện có lợi hay không có lợi [23]. Thái độ khởi nghiệp là yếu tố có tầm ảnh hưởng tích cực đối với ý định khởi nghiệp [3].

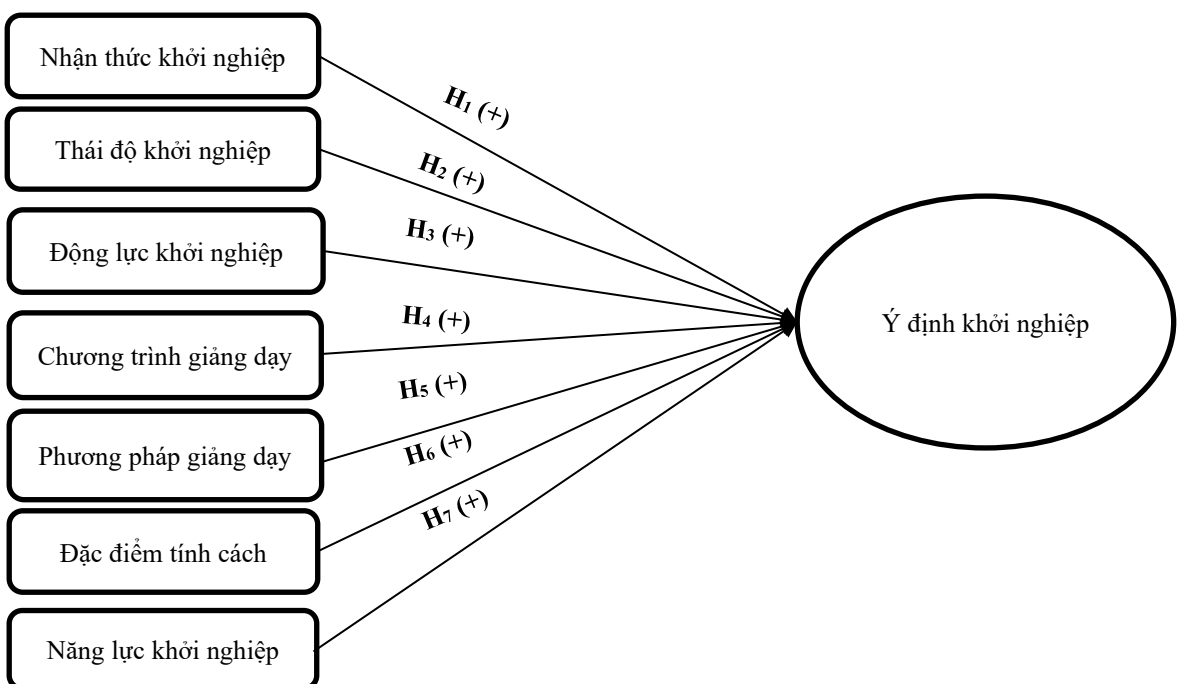
Động lực khởi nghiệp (H3): Động lực khởi nghiệp là yếu tố thúc đẩy cá nhân thực hiện công việc, tạo cơ hội việc làm. Động lực khởi nghiệp còn là những cố gắng vượt qua vấn đề cá nhân hay có liên quan đến công việc, có cảm giác, tinh thần khởi nghiệp [24].

Chương trình giảng dạy (H4): Chương trình giảng dạy là một kế hoạch học tập có sự can thiệp của người hướng dẫn, để truyền đạt kiến thức, kỹ năng cần thiết nhằm đạt được mục đích giáo dục [14]. Theo Kuratko (2005) ý định khởi nghiệp sẽ trở nên mạnh mẽ hơn khi có tác động của chương trình giảng dạy, nếu được cung cấp đầy đủ kiến thức và cảm hứng khởi nghiệp thì ý định sẽ tăng lên. Chương trình giảng dạy có sự ảnh hưởng tích cực đáng kể trong việc cung cấp kiến thức cần thiết về khởi nghiệp. Tham gia chương trình đào tạo đóng góp rất nhiều đến sự hình thành và phát triển ý định khởi nghiệp của sinh viên [28].

Phương pháp giảng dạy (H5): Phương pháp giảng dạy là hệ thống hành động có mục đích, cách thức tương tác giữa người dạy và người học nhằm giải quyết các nhiệm vụ giáo dục, phát triển và tổ chức, đảm bảo học sinh lĩnh hội nội dung học vấn [20]. Việc có phương pháp giáo dục khởi nghiệp tốt sẽ góp phần tăng ý định khởi nghiệp của sinh viên thông qua quá trình học tập, sinh viên cảm thấy hứng thú, có động lực tìm hiểu và hình thành ý định khởi nghiệp.

Đặc điểm tính cách (H6): Đặc điểm tính cách là những biểu hiện nhân cách của cá nhân, thể hiện xu hướng lựa chọn, đòi hỏi sự khám phá, sáng tạo [19]. Đặc điểm tính cách có ảnh hưởng trực tiếp và tích cực đến ý định tham gia khởi nghiệp của sinh viên [2].

Năng lực khởi nghiệp (H7): Năng lực khởi nghiệp là khả năng thực hiện một hoạt động kinh doanh, khả năng xử lý các tình huống và nuôi dưỡng các ý tưởng khởi nghiệp [3]. Theo Đoàn Thị Thu Trang (2018) năng lực khởi nghiệp có ảnh hưởng tới tinh thần khởi nghiệp của sinh viên [10].



Hình 1. Mô hình nghiên cứu đề xuất

2.3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu định tính thực hiện nhằm nhận diện độ tương thích yếu tố ảnh hưởng, xác định mô hình nghiên cứu và hiệu chỉnh thang đo sơ bộ phù hợp với địa bàn nghiên cứu. Nghiên cứu định lượng sử dụng thang đo Likert 5 mức độ (1=Hoàn toàn không đồng ý; 2=Không đồng ý; 3=Trung lập; 4=Đồng ý; 5=Hoàn toàn đồng ý) để lượng hóa mối quan hệ giữa các yếu tố, qua phần mềm R về xử lý dữ liệu. Thực hiện các bước kiểm định độ tin cậy Cronbach's Alpha, phân tích nhân tố khám phá (EFA), phân tích nhân tố khẳng định (CFA) và phân tích mô hình phương trình cấu trúc (SEM) nhằm kiểm định mô hình và các giả thuyết nghiên cứu.

2.4. Phân tích kết quả

2.4.1. Mẫu nghiên cứu

Áp dụng công thức Slovin (1960) tính mẫu tối ưu (độ tin cậy 95%) với phương pháp chọn mẫu thuận tiện. Phiếu khảo sát thu về, làm sạch

đạt 378 phiếu (tỷ lệ hồi đáp 94,5%) [25]. Theo kết quả thống kê dữ liệu về giới tính và trình độ cho thấy số lượng sinh viên nam năm hai là 35 sinh viên chiếm 27,8% và số lượng sinh viên nữ là 91 sinh viên chiếm 72,2%; số lượng sinh viên nam năm ba là 28 sinh viên chiếm 22,2% và nữ là 98 sinh viên chiếm 77,8%; năm năm với nam có số lượng là 47 sinh viên chiếm 37,3% và nữ là 79 sinh viên chiếm 62,7%. Kết quả thống kê của tổng số nam giới là 110 chiếm 29,1% và nữ là 268 chiếm 70,9%.

2.4.2. Độ tin cậy của thang đo

Qua kiểm định Cronbach's Alpha, 2 items (NT1, TĐ2) bị loại khỏi mô hình nghiên cứu vì có hệ số tương quan biến tổng nhỏ hơn 0,3. Hệ số tin cậy của 8 thang đo từ 0,739 đến 0,874 là tương đối cao [12]. Điều này chứng tỏ các biến quan sát trong cùng yếu tố đo lường cùng một khái niệm (Bảng 1).

Bảng 1. Kết quả kiểm định độ tin cậy thang đo

Thang đo	Tương quan biến tổng	Hệ số Cronbach's Alpha nếu loại biến	Trung bình thang đo nếu loại biến	Nguồn tham khảo
1. Thang đo “Ý định về khởi nghiệp” (YD). Cronbach's Alpha = 0,833				Bùi Thị Thu Loan & cs, 2018; Phan Anh Tú & cs, 2015
YD1: Có dự định khởi nghiệp cho mình khi ra trường	0,701	0,780	13,60	
YD2: Thu thập tài nguyên cho việc khởi nghiệp trong tương lai gần	0,682	0,785	13,75	
YD3: Có ý muốn thực hiện việc kinh doanh liên quan lĩnh vực giáo dục	0,514	0,835	13,63	
YD4: Dự định sẽ kinh doanh khi có cơ hội	0,644	0,796	13,18	
YD5: Có ý chí lớn về việc khởi nghiệp của riêng mình	0,633	0,799	13,58	
2. Thang đo “Nhận thức khởi nghiệp” (NT). Cronbach's Alpha = 0,739				Shane & cs, 2003; Ajzen, 1991
NT1: Việc khởi nghiệp là dễ dàng (loại biến)	0,261	0,780	17,63	
NT2: Thấy được cơ hội khởi nghiệp trong thời đại 4.0	0,467	0,705	16,53	
NT3: Hiểu rõ được năng lực của mình	0,529	0,689	16,38	
NT4: Hiểu rõ được ý định mình sẽ làm	0,621	0,664	16,36	
NT5: Nhận thức được thành công của bản thân	0,604	0,669	16,66	
NT6: Nhận thấy được nhu cầu xã hội rất lớn	0,472	0,704	16,20	
3. Thang đo “Thái độ khởi nghiệp” (TD). Cronbach's Alpha = 0,763				Bùi Thị Thu
TD1: Rất ngưỡng mộ những người khởi nghiệp	0,503	0,730	18,27	
TD2: Cảm thấy quá khó để khởi nghiệp thành công (loại biến)	0,188	0,804	18,79	

Thang đo	Tương quan biến tổng	Hệ số Cronbach's Alpha nếu loại biến	Trung bình thang đo nếu loại biến	Nguồn tham khảo
TD3: Rất thích được trở thành doanh nhân	0,563	0,713	19,04	Loan, &, 2018; Phan Anh Tú, 2015
TD4: Thích nhận được sự ngưỡng mộ từ xã hội	0,657	0,685	18,78	
TD5: Thích nhận được sự tôn trọng từ xã hội	0,639	0,696	18,48	
TD6: Thích thử thách bản thân	0,524	0,724	18,72	
4. Thang đo “Động lực khởi nghiệp” (DL). Cronbach's Alpha = 0,826				Nguyễn Xuân Hiệp & Huỳnh Nhựt Nghĩa &, 2021
DL1: Muốn tự chủ công việc trong thời đại 4.0	0,597	0,798	16,29	
DL2: Muốn giúp đỡ nhiều người	0,630	0,789	16,09	
DL3: Muốn thể hiện năng lực bản thân	0,704	0,768	16,21	
DL4: Muốn học hỏi thêm từ xã hội	0,685	0,774	16,02	
DL5: Muốn làm giàu	0,507	0,827	16,10	
5. Thang đo “Chương trình giảng dạy” (CT). Cronbach's Alpha = 0,827				Ajzen, 1991; Nguyễn Quốc Nghi & Ambad và Damit, 2016
CT1: Trường có chương trình giáo dục khởi nghiệp cho sinh viên	0,642	0,788	13,41	
CT2: Trường có tổ chức cuộc thi ý tưởng khởi nghiệp cho sinh viên	0,546	0,814	13,40	
CT3: Trường đã đưa vào chương trình đào tạo học phần khởi nghiệp cho sinh viên	0,622	0,794	13,83	
CT4: Nội dung hướng nghiệp trong học phần tổ chức hoạt động giáo dục giúp tôi có kiến thức về khởi nghiệp	0,661	0,782	13,82	
CT5: Trường có cơ chế để sinh viên tự do liên hệ cơ sở thực tập làm tôi có ý tưởng khởi nghiệp	0,649	0,786	13,73	
6. Thang đo “Phương pháp giảng dạy” (PP). Cronbach's Alpha = 0,874				Phạm Quang Tín, 2021
PP1: Giảng viên thường khuyến khích, động viên tôi khởi nghiệp trong thời đại 4.0	0,675	0,854	13,16	
PP2: Giảng viên thường liên hệ lĩnh vực nghề nghiệp có thể khởi nghiệp với tri thức môn học	0,706	0,846	13,07	
PP3: Từ những ví dụ trong bài giảng, tôi thấy được ý tưởng khởi nghiệp cho riêng mình	0,747	0,836	13,32	
PP4: Từ việc giảng viên cho tìm hiểu các lĩnh vực nghề nghiệp để giáo dục học sinh phổ thông sau này, tôi nảy sinh ý định khởi nghiệp	0,695	0,849	13,29	
PP5: Qua hướng dẫn thiết kế hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp trong học phần tổ chức hoạt động giáo dục của giảng viên làm tôi nảy sinh ý tưởng khởi nghiệp	0,689	0,850	13,33	
7. Thang đo “đặc điểm tính cách” (TC). Cronbach's Alpha = 0,871				Nguyễn Xuân Hiệp & 2019;
TC1: Dám đối mặt với trở ngại/thách thức	0,648	0,874	18,39	
TC2: Dám chấp nhận rủi ro	0,683	0,848	18,45	
TC3: Có tính sáng tạo	0,680	0,860	18,33	
TC4: Có tính tự lập	0,700	0,845	18,27	
TC5: Có tính kiên trì	0,675	0,849	18,30	
TC6: Có tính chủ động trong công việc	0,680	0,848	18,26	

Thang đo	Tương quan biến tổng	Hệ số Cronbach's Alpha nếu loại biến	Trung bình thang đo nếu loại biến	Nguồn tham khảo
8. Thang đo “Năng lực khởi nghiệp” (NL). Cronbach's Alpha = 0,863				Nguyễn Quốc Nghi & 2016; Nguyễn Ngọc Kim Loan, 2019
NL1: Có khả năng xây dựng đội nhóm làm việc	0,639	0,843	20,61	
NL2: Có khả năng xây dựng kế hoạch khởi nghiệp	0,641	0,842	20,96	
NL3: Có khả năng nhận biết cơ hội	0,703	0,834	20,82	
NL4: Có khả năng giải quyết các vấn đề trong cuộc sống	0,591	0,849	20,73	
NL5: Có khả năng huy động các nguồn lực	0,637	0,843	20,99	
NL6: Có khả năng giao tiếp tốt	0,586	0,850	20,79	
NL7: Có khả năng triển khai kế hoạch khởi nghiệp	0,635	0,843	21,00	

2.4.3. Phân tích nhân tố khám phá (EFA)

Phương pháp trích nhân tố Principal Component Analysis với phép xoay varimax cho phép trích được một nhân tố với biến quan sát và phương sai trích tích lũy là 60,515% (>50%), Eigenvalue=3,026 (>1), hệ số tải nhân tố của các items đều >0,5 hệ số KMO=0,826 (0,5<KMO<1) đạt yêu cầu thông số thống kê. Qua 3 lần kiểm định EFA, 3 items bị loại bỏ (CT4, TD1, CT5) còn 40 items phù hợp và đủ điều kiện để thực hiện phân tích nhân tố khẳng định.

2.4.4. Kết quả phân tích nhân tố khẳng định

Kết quả phân tích đều đạt được giá trị hội tụ, giá trị phân biệt, tính đơn hướng, độ tin cậy, phù hợp mô hình (model fit) Chisquare/df=2,361; CFI=0,868; TLI=0,855; GFI=0,814; RMSEA=0,060 [4], [9]. Kết quả khẳng định sau hiệu chỉnh cho thấy mô hình có

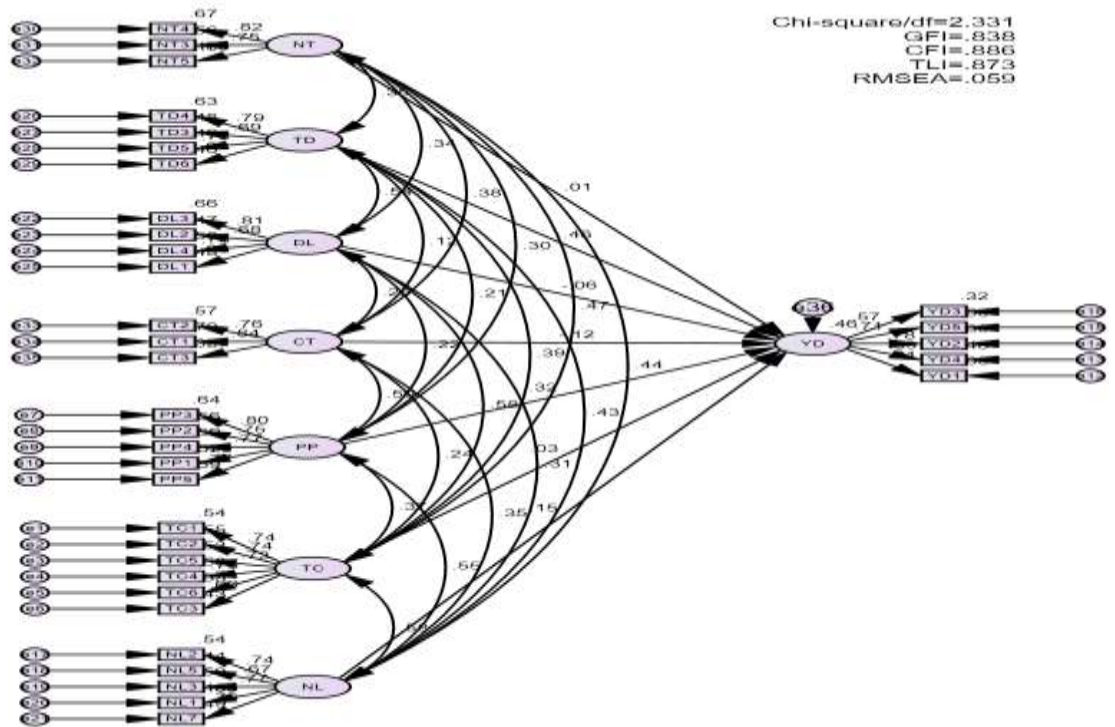
tính hội tụ (CR>0,7; AVE>0,5) và tính phân biệt (Msinh viên<AVE) cao. Kết quả CFA loại bỏ 5 biến quan sát (NT2; NL6; NT6; NL4; DL5) và giữ lại 35 biến phù hợp để tiếp tục phân tích mô hình phương trình cấu trúc.

2.4.5. Kết quả phân tích mô hình phương trình cấu trúc (SEM)

Kết quả phân tích SEM cho thấy các giá trị được chấp nhận (Xem kết luận mục 2.4.4). Yếu tố “thái độ khởi nghiệp” và “phương pháp giảng dạy” có ảnh hưởng tích cực đến ý định khởi nghiệp của sinh viên (với $\beta=0,460$; $\beta=0,325$ tương ứng và $p<0,001$). Các yếu tố “nhận thức khởi nghiệp”, “động lực khởi nghiệp”, “chương trình giảng dạy”, “đặc điểm tính cách”, “năng lực khởi nghiệp” ảnh hưởng không đáng kể đến ý định khởi nghiệp của sinh viên ($p>0,05$) (Bảng 2).

Bảng 2. Kiểm định quan hệ giữa các khái niệm trong mô hình (chuẩn hóa)

Tác động		Estimate	S.E.	C.R	P	Giả thuyết	
YD	<---	NT	0,008	0,076	0,108	0,914	Bác bỏ H1
YD	<---	TD	0,465	0,078	5,962	***	Chấp nhận H2
YD	<---	DL	-0,069	0,097	-0,707	0,480	Bác bỏ H3
YD	<---	CT	-0,151	0,088	-1,712	0,087	Bác bỏ H4
YD	<---	PP	0,380	0,084	4,547	***	Chấp nhận H5
YD	<---	TC	0,039	0,112	0,351	0,725	Bác bỏ H6
YD	<---	NL	0,193	0,106	1,829	0,067	Bác bỏ H7



Hình 2. Kết quả kiểm định mô hình phương trình cấu trúc (SEM)

Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu khảo sát 378 sinh viên Trường ĐHSP TP.HCM (2022)

Kiểm định Bootstrap là phương pháp lấy mẫu lặp lại có thay thế. Nghiên cứu cho lập cỡ mẫu 500 nhằm kiểm định tính ổn định của các ước lượng. Từ dữ liệu phân tích (Bảng 3), các giá trị |CR| đều <1,96 riêng NT có CR=2,5 tuy

nhiên vẫn có ý nghĩa thống kê; vậy $p > 5\%$, độ lệch là rất nhỏ. Kết luận mô hình ước lượng có thể tin cậy. Yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên là: thái độ khởi nghiệp và phương pháp giảng dạy.

Bảng 3. Kết quả kiểm định Bootstrap

Tác động	SE	SE-SE	Mean	Bias	SE-Bias	CR
YD <--- NT	0,082	0,003	0,013	0,006	0,004	1,5
YD <--- TD	0,085	0,003	0,446	0,006	0,004	1,5
YD <--- DL	0,086	0,003	-0,053	0,003	0,004	0,75
YD <--- CT	0,076	0,002	-0,121	-0,005	0,004	1,25
YD <--- PP	0,080	0,003	0,329	0,005	0,004	1,25
YD <--- TC	0,096	0,003	0,025	-0,004	0,004	1
YD <--- NL	0,095	0,003	0,142	-0,010	0,004	2,5

2.5. Thảo luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy: thái độ khởi nghiệp và phương pháp giảng dạy là hai yếu tố có ảnh hưởng tích cực đến ý định khởi nghiệp của sinh viên, kết quả này cũng tương đồng với kết quả của một số nghiên cứu trước đây như nghiên cứu của Phan Anh Tú & cộng sự (2017);

Bùi Thị Thu Loan & cộng sự (2018); Phạm Quang Tín (2021); Ajzen (1991). Có thể thông qua các buổi tọa đàm, cuộc thi ý tưởng khởi nghiệp do nhà Trường tổ chức cũng như qua việc giảng viên liên hệ tri thức môn học với cơ hội việc làm, mở rộng lĩnh vực nghề nghiệp sẽ thực hiện trong tương lai làm sinh viên gia tăng ý định

khởi nghiệp của mình. Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra, sinh viên Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh vẫn chưa có nhận thức và năng lực đầy đủ, cũng như chưa có đặc điểm tính cách và động lực mạnh mẽ cho việc thực hiện ý định khởi nghiệp của riêng mình. Điều này có thể giải thích do phần lớn sinh viên vẫn còn nặng tâm lý chờ phân công việc, chưa có đủ tự tin và sẵn sàng, dẫn đến sự bối rối và lo lắng về khả năng bản thân, cũng có thể trong thời gian học tập, sinh viên đã được định hướng sẵn việc làm trong tương lai, từ đó mà việc chủ động tiếp cận đến những vấn đề liên quan tới khởi nghiệp cũng bị hạn chế. Chương trình giảng dạy chưa thực sự có ảnh hưởng đến sinh viên, cụ thể là học phần khởi nghiệp cho sinh viên sư phạm và ngoài sư phạm vẫn chưa được triển khai sâu rộng, một số sinh viên chưa ý thức được tầm quan trọng và mức cấp thiết của khởi nghiệp, có thể do đó mà sinh viên không chủ động đăng kí các học phần về khởi nghiệp mà nhà trường triển khai.

Từ kết quả, nghiên cứu đề xuất một số kiến nghị nhằm thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp của sinh viên như sau: đối với thái độ khởi nghiệp, kiến nghị nhà trường duy trì và triển khai sâu rộng hơn thêm các chương trình, cuộc thi, các buổi tọa đàm về khởi nghiệp, trực tiếp mời những doanh nhân có kinh nghiệm trong lĩnh vực khởi nghiệp tham gia, đây là một trong những cách tiếp cận, giúp sinh viên hiểu rõ hơn về khởi nghiệp, hình dung được bức tranh khởi nghiệp do bản thân mình tự hoạch định. Về phương pháp giảng dạy, khuyến khích giảng viên duy trì phát huy, tích cực hỗ trợ sinh viên, trong quá trình giảng dạy thường xuyên lồng ghép, liên hệ lĩnh vực nghề nghiệp gắn với đặc tính của ngành học, động viên, thúc đẩy sinh viên khởi nghiệp. Đối với nhận thức khởi nghiệp, nhà trường và giảng viên cần tạo điều kiện để sinh viên tiếp xúc, học tập, hỗ trợ nền tảng kiến thức giúp sinh viên hiểu về khởi nghiệp, tự nhận thức về năng lực bản thân, các cơ hội khởi nghiệp, nhu cầu xã hội. Bàn về đặc

điểm tính cách, nhà trường chủ động giáo dục tinh thần khởi nghiệp cho sinh viên, nâng cao thái độ, nhận thức thông qua việc phát triển các học phần liên quan đến giáo dục khởi nghiệp, hướng nghiệp. Mục tiêu thúc đẩy tính sáng tạo, đổi mới nhằm phát triển tính cách cá nhân, tính tự giác trong việc chủ động định hướng nghề nghiệp. Đối với động lực khởi nghiệp, tăng cường công tác cố vấn, khuyến nghị sinh viên mạnh dạn theo đuổi mục tiêu khởi nghiệp, học hỏi, vượt qua trở ngại, tạo làn sóng đổi mới, sáng tạo mới, góp phần tạo động lực cho sinh viên. Về năng lực khởi nghiệp, giảng viên trang bị cho sinh viên các kỹ năng làm việc nhóm, lập kế hoạch, cách giải quyết và vượt qua khó khăn, cách huy động nguồn lực, kỹ năng giao tiếp. Các kiến thức khởi nghiệp cần đi kèm luyện tập, thực hành và trải nghiệm các hoạt động thuộc lĩnh vực khởi nghiệp trong quá trình học tập trong và ngoài nhà trường, chủ động tìm hiểu, tham gia các học phần khởi nghiệp nhằm trang bị kiến thức, nâng cao năng lực. Đối với chương trình giảng dạy, kiến nghị trường triển khai học phần giáo dục khởi nghiệp đến toàn thể sinh viên, xây dựng chương trình giảng dạy phù hợp với đặc điểm sư phạm, có hệ thống kiến thức chặt chẽ hoàn thiện nội dung, cung cấp tài liệu về học phần, trang bị cho sinh viên những kiến thức cần và phải biết về khởi nghiệp, chương trình giảng dạy lý thuyết xen lẫn bài giảng thực tế, có cơ chế cho sinh viên tự do liên hệ cơ sở thực tập.

3. KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu xác định hai yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh là thái độ khởi nghiệp và phương pháp giảng dạy. Trong đó, thái độ khởi nghiệp có mức ảnh hưởng lớn nhất.

Có thể do mẫu nghiên cứu nhỏ nên chưa tìm thấy mức ảnh hưởng có ý nghĩa về mặt thống kê của các yếu tố động lực khởi nghiệp, chương trình giảng dạy, nhận thức khởi nghiệp, đặc điểm tính cách, năng lực khởi nghiệp đến ý định khởi

ngành của sinh viên. Các nghiên cứu tiếp theo có thể tăng số lượng mẫu để khẳng định lại kết luận này, cũng như mở rộng, xem xét thêm sự

ảnh hưởng của các yếu tố ngành học, nghề nghiệp truyền thống gia đình đến ý định khởi nghiệp của sinh viên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Ajzen, I. (1991), *The theory of planned behavior, Organizational behavior and human decision processes*, 50 (2).
- [2] Ambad, S. N. A and Ag Damit, D. H. D. (2016), *Determinants of Entrepreneurial Intention Among Undergraduate Students in Malaysia. Procedia Economics and Finance*, 37, 108 - 114.
- [3] Autio E., Keeley R. H., Klofsten M., Parker G. C. & Hay M. (2001), *Entrepreneurial Intent among Students in Scandinavia and in the USA. Enterprise and Innovation Management Studies*, 2(2).
- [4] Baumgartner, H., Homburg, C. (1996), *Applications of Structural Equation Modeling in Marketing and Consumer Research. a review. International Journal of Research in Marketing* 13(2).
- [5] Bird. B. (1988), *Implementing entrepreneurial ideas: The case for intention. Academy of Management Review*, 13 (3).
- [6] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2022), Thông tư số 07/2022/TT-BGDĐT ngày 23/05/2022 về Quy định công tác tư vấn nghề nghiệp, việc làm và hỗ trợ khởi nghiệp trong các cơ sở giáo dục. Truy cập tại <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Giao-duc/Thong-tu-07-2022-TT-BGDĐT-cong-tac-tu-van-nghe-nghiep-viec-lam-trong-cac-co-so-giao-duc-514241.aspx>.
- [7] Bùi Thị Thu Loan, Nguyễn Thị Ngân & Nguyễn Thị Linh (2018), *Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên: Nghiên cứu trường hợp sinh viên trên địa bàn Thành phố Hà Nội. Tạp chí Khoa học & Công nghệ*, 46.
- [8] Dinh Van Toan (2020). *Các yếu tố ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ thứ 3 và những thách thức đối với các trường đại học Việt Nam trong giai đoạn chuyển đổi. Tạp chí Khoa học VNU*, 36 (3).
- [9] Doll, W.J., Xia, W., Torkzadeh, G. (1994), *A confirmatory factor analysis of the end-user computing satisfaction instrument. MIS Quarterly* 18(4).
- [10] Đoàn Thị Thu Trang (2018), *Đánh giá những yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên Việt Nam: Nghiên cứu trường hợp sinh viên khối ngành kỹ thuật. Luận án tiến sĩ.*
- [11] Gupta, V. K., & Bhawe, N. M. (2007), *The Influence of Proactive Personality and Stereotype Threat on Women's Entrepreneurial Intentions. Journal of Leadership & Organizational Studies*, 13(4), 73–85. doi: 10.1177/10717919070130040901.
- [12] Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008), *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS*, Nxb Hồng Đức.
- [13] Huỳnh Nhật Nghĩa, Nguyễn Thị Hải Bình, Nguyễn Thị Minh Tâm, Nguyễn Kiều Oanh & Mai Thoại Diễm Phương (2021), *Ý định khởi nghiệp của sinh viên Trường Đại học Tài chính – Marketing, Tạp chí Nghiên cứu Tài chính – Marketing*, 62.
- [14] Isaacs, E., Visser, K., Friedrich, C., & Brijlal, P. (2007), *Entrepreneurship education and training at the further education and training (FET) level in south africa, South African Journal of Education*, Vol.27.
- [15] Kuratko, D. F. (2005), *The emergence of entrepreneurship education: Development, trends, and challenges, Entrepreneurship Theory and Practice*, 29(5).

- [16] Le Thi Minh Hang, Hoang, Ha & Nguyen Son Tung (2022). *Tác động của đào tạo khởi nghiệp đến ý định khởi nghiệp*. Kì yếu hội thảo khoa học quốc gia, Hà Nội, Nxb Lao động Xã hội, 17.
- [17] Lee S.M. et al. (2006), *Influences on students attitudes toward entrepreneurship: A multi-country study*, *International Entrepreneurship and Management Journal*, 2(3).
- [18] Nguyễn Quốc Nghi, Lê Thị Diệu Hiền & Mai Võ Ngọc Thanh (2016), *Các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi sự doanh nghiệp của sinh viên khối ngành Quản trị Kinh doanh tại các trường cao đẳng/đại học thành phố Cần Thơ*, *Tạp chí Đại học Văn Hiến*, 10.
- [19] Nguyễn Xuân Hiệp, Trần Hà Thanh & Nguyễn Thị Yến Nhi (2019), *Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp kinh doanh của sinh viên khối ngành kinh tế các trường đại học tại Thành phố Hồ Chí Minh*, *Tạp chí Nghiên cứu Tài chính-Marketing*, 51.
- [20] Piaget J. (1999), *Tâm lý học và Giáo dục học*, Nxb Giáo dục.
- [21] Phạm Quang Tín (2021), *Nghiên cứu các nhân tố tác động đến ý định khởi nghiệp kinh doanh của sinh viên khối ngành kinh tế Việt Nam*, *Tạp chí Khoa học Xã hội miền Trung*, 5 (73).
- [22] Phan Anh Tú & Trần Quốc Huy (2017), *Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp kinh doanh của sinh viên trường đại học kỹ thuật công nghệ cần thơ*, *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, 48.
- [23] Phan Anh Tú và Giang Thị Cẩm Tiên (2015), *Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi sự doanh nghiệp: trường hợp sinh viên khoa kinh tế và quản trị kinh doanh Trường Đại học Cần Thơ*, *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, Tập 38.
- [24] Shane, S., Locke, E. a., & Collins, C. J. (2003), *Entrepreneurial motivation*. *Human Resource Management Review*, 13(2), 257–279. doi:10.1016/S1053-4822(03)00017-2.
- [25] Slovin E. (1960), *Slovin's formula for sampling technique*, Retrieved on February 13, 2013.
- [26] Tổng cục thống kê (2023), *Thông cáo báo chí tình hình lao động làm việc quý IV và năm 2022*. Truy cập tại <https://www.gso.gov.vn/tin-tuc-thong-ke/2023/01/thong-cao-bao-chi-tinh-hinh-lao-dong-viec-lam-quy-iv-va-nam-2022>.
- [27] Thủ tướng Chính phủ (2017), Quyết định số 1665/QĐ-TTg ngày 30/10/2017 về phê duyệt Đề án “Hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp đến năm 2025”. Truy cập tại <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Giao-duc/Quyết-dinh-1665-QĐ-TTg-2017-de-an-Ho-tro-hoc-sinh-sinh-vien-khoi-nghiep-den-nam-2025-365846.aspx>.
- [28] Wang, C. K., & Wong, P. K. (2004), *Entrepreneurial interest of university students in Singapore*. *Technovation*, 24(2).
- [29] Zhang, Y., Duysters, G., & Cloudt, M. (2014), *The role of entrepreneurship education as a predictor of university students' entrepreneurial intention*. *International Entrepreneurship and Management Journal*, 10(3).